

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30 - 6 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về

nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2022/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Đồng T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà Quách Thị V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hoà giải nguyên đơn ông Đỗ Đồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Quách Thị V chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 12/4/2018. Sau khi kết hôn ông, bà sống tại xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không nói chuyện được với nhau. Ông và bà V đã ly thân từ năm 2020, không qua lại chăm sóc lẫn nhau. Nay ông kiên quyết ly hôn với bà Quách Thị V.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Đỗ Ngọc G L, sinh ngày 14/7/2019. Ông nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho bà V, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn bà Quách Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn ông thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Đồng T chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 12/4/2018. Sau khi kết hôn ông bà sống tại nhà của ông T tại xã A, huyện Phú Giáo. Bà làm công nhân, ông T ở nhà cạo mủ cao su của gia đình, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng lẫn nhau, ông T thường xúc phạm bà. Ông bà đã ly thân từ năm 2020, không qua lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, bà đồng ý ly hôn với ông Đỗ Đồng T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là Đỗ Ngọc G L, sinh ngày 14/7/2019. Bà xin được quyền nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân từ năm 2020, không qua lại chăm sóc lẫn nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét điều kiện về nuôi con, hiện tại cháu Đỗ Ngọc G L đang sống cùng bị đơn nên giao cho bị đơn nuôi dưỡng, buộc nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Đỗ Đồng T, bị đơn bà Quách Thị V có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Đỗ Đồng T và bà Quách Thị V chung sống trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 12/4/2018. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên đơn cho rằng không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2022, được UBND xã A xác nhận: Nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn vợ chồng do thường xuyên cãi nhau nhưng không yêu cầu địa phương hòa giải về mâu thuẫn gia đình, hiện tại đã sống ly thân.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn đồng ý ly hôn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung là Đỗ Ngọc G L, sinh ngày 14/7/2019. Xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, hiện con chung đang sống ổn định với bị đơn nên giao con Đỗ Ngọc G L cho bị đơn bà Quách Thị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX xem xét các điều kiện kinh tế, nhu cầu sinh hoạt của trẻ, với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng của bị đơn là hợp lý nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đồng T đối với bị đơn bà Quách Thị V.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Đỗ Đồng T được ly hôn với bị đơn bà Quách Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Ngọc G L, sinh ngày 14/7/2019 cho bà Quách Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc nguyên đơn ông Đỗ Đồng T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được cản trở ông Đỗ Đồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Đồng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008148, ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Đồng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi